TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NINH BÌNH** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 16/2021/QĐST-HNGĐ	*TP. Ninh Bình, ngày 02 tháng 02 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 10/2021/TLST - HNGĐ, ngày 14 tháng 01 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Chị Đào Kiều A, sinh năm 19xx

Bị đơn: Anh Đoàn Việt D, sinh năm 19xx

Cùng địa chỉ: Số nhà xxx, đường NH, phố ĐK, phường NP, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đào Kiều A và anh Đoàn Việt D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Đào Kiều A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đoàn Ngọc Minh C, sinh ngày 01/12//20xx đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Anh Đoàn Việt D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần các bên có quyền đề nghị thay đổi nuôi con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh Đoàn Việt D có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Đào Kiều A theo phương thức định kỳ hàng tháng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/tháng/, kể từ tháng 02 năm 2021 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Đào Kiều A có đơn yêu cầu thi hành án, mà anh Đoàn Việt D không chịu thi hành án khoản tiền cấp dưỡng thì hàng tháng anh Đoàn Việt D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án, lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Điều 357; Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản chung; Công nợ chung: Chị Đào Kiều A và anh Đoàn Việt D tự thoả thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đào Kiều A và anh Đoàn Việt D thoả thuận chị Đào Kiều A nộp toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung thay anh D.

Hai khoản tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đào Kiều A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001789 ngày 14/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tạih các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Ninh Bình;
- Chi cục THADS TP Ninh Bình;
- UBND TT BM, KS;
- Các đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Tuyết